



NGHỊ QUYẾT

Về việc phê chuẩn mức thu phí tại các chợ
trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU KHÓA V, KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và Lệ phí năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ; Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Sau khi xem xét Tờ trình số 133/TTr-UBND ngày 23/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị phê chuẩn mức thu phí tại các chợ trên địa bàn tỉnh

Bà Rịa - Vũng Tàu; Báo cáo thẩm tra số 118/BC-KTNS ngày 07/12/2015 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ :

Điều 1. Quy định mức thu phí tại các chợ trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Tờ trình số 133/TTr-UBND ngày 23/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh. (danh mục kèm theo).

1. Thời điểm áp dụng: Từ ngày 01/01/2016.

2. Lộ trình áp dụng:

a) Đối với các hộ kinh doanh có quầy sạp cố định:

- Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016: Áp dụng thu bằng 50% so với mức thu phí đề xuất;

- Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017: Áp dụng thu bằng 70% so với mức thu phí đề xuất;

- Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018: Áp dụng thu bằng 90% so với mức thu phí đề xuất;

- Từ ngày 01/01/2019: Áp dụng thu 100% so với mức thu phí đề xuất.

b) Đối với các hộ kinh doanh không có quầy sạp cố định: Áp dụng mức thu 100% so với mức thu phí đề xuất từ thời điểm ngày 01/01/2016.

3. Tỷ lệ phần trăm phí thu để lại: tỷ lệ để lại cho đơn vị thu phí là 100%.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Khóa V, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 11/12/2015 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- Ban CTĐB-UBND;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Bộ Tài chính;
- TTr.Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TTr.HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- UBND các huyện, TP;
- Các Ban HĐND tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể trong tỉnh;
- TTr.HĐND và UBND huyện, TP;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Website HĐND tỉnh/M1

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Lĩnh



DANH MỤC

Mức thu phí chợ trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 38/2015/NQ-HĐND

ngày 14 tháng 4 năm 2015 của Hội đồng nhân dân Tỉnh)

STT	Nội dung	Mức thu		
		Chợ hạng 1	Chợ hạng 2	Chợ hạng 3
I	Mức thu phí			
		Đơn vị tính: Đồng/m ² /tháng		
1	Rau quả có sạp ngoài			
	Vị trí 1	40.000	30.000	20.000
	Vị trí 2	30.000	20.000	10.000
	Vị trí 3	20.000	10.000	4.000
2	Thực phẩm tươi sống (thịt gia súc, gia cầm)			
	Vị trí 1	60.000	40.000	30.000
	Vị trí 2	40.000	30.000	20.000
	Vị trí 3	30.000	20.000	10.000
3	Thủy, hải sản			
	Vị trí 1	40.000	30.000	20.000
	Vị trí 2	30.000	20.000	10.000
	Vị trí 3	20.000	10.000	4.000
4	Hàng tươi sống đặc biệt (đặc sản cao cấp)			
	Vị trí 1	80.000	60.000	40.000
	Vị trí 2	60.000	40.000	30.000
	Vị trí 3	40.000	30.000	20.000
5	Ăn uống			
	Vị trí 1	60.000	40.000	30.000
	Vị trí 2	40.000	30.000	20.000
	Vị trí 3	30.000	20.000	10.000
6	Hàng dệt may			

	Vị trí 1	60.000	40.000	30.000
	Vị trí 2	40.000	30.000	20.000
	Vị trí 3	30.000	20.000	10.000
7	Hàng tạp hóa			
	Vị trí 1	60.000	40.000	30.000
	Vị trí 2	40.000	30.000	20.000
	Vị trí 3	30.000	20.000	10.000
8	Hàng thực phẩm chế biến (gồm: Cá khô, mắm ruốc, đường, đậu, giò chả,v.v...)			
	Vị trí 1	40.000	30.000	20.000
	Vị trí 2	30.000	20.000	10.000
	Vị trí 3	20.000	10.000	4.000
9	Vàng bạc			
	Vị trí 1	60.000	40.000	30.000
	Vị trí 2	40.000	30.000	20.000
	Vị trí 3	30.000	20.000	10.000
10	Kim khí, điện máy			
	Vị trí 1	60.000	40.000	30.000
	Vị trí 2	40.000	30.000	20.000
	Vị trí 3	30.000	20.000	10.000
11	Văn hóa phẩm, giày da, nhựa, sành sứ			
	Vị trí 1	40.000	30.000	20.000
	Vị trí 2	30.000	20.000	10.000
	Vị trí 3	20.000	10.000	4.000
12	Lương thực			
	Vị trí 1	40.000	30.000	20.000
	Vị trí 2	30.000	20.000	10.000
	Vị trí 3	20.000	10.000	4.000
13	Các hoạt động dịch vụ và các ngành hàng khác chưa được quy định ở trên			
	Vị trí 1	60.000	40.000	30.000

	Vị trí 2	40.000	30.000	20.000
	Vị trí 3	30.000	20.000	10.000
14	Phí ki - ốt	60.000	50.000	30.000
15	Mức thu phí Chợ đối với những hộ không có chỗ bán cố định	4.000đ/chỗ/ ngày	2.500đ/chỗ/ ngày	1.000đ/chỗ/ ngày
II	Mức thu phí vệ sinh:			
1	Phí vệ sinh đối với các hộ kinh doanh tại chợ	Áp dụng theo Quyết định số 21/2004/QĐ-UB ngày 05/01/2005 của UBND Tỉnh, cụ thể: Mức thu là 45.000đ/m ³ rác		
2	Phí sử dụng nhà vệ sinh	1.000đ/lượt		
III	Phí trông giữ xe: Áp dụng theo Quyết định số 46/2011/QĐ-UBND ngày 23/8/2011 của UBND Tỉnh			

